

Số: 768/QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 13 tháng 5 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới
xã Phước Hưng, giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết 24/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về Nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 2046/HD-SNN-SXD ngày 20/7/2012 của Sở NN&PTNT-Sở Xây dựng về quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21721/QĐ-CTUBND ngày 13/11/2012 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước v/v phê duyệt Đề án quy hoạch chung xã nông thôn mới, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 15/01/2013 của Hội đồng nhân dân xã Phước Hưng về việc Thông qua Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hưng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Hưng tại Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 25 tháng 04 năm 2013 kèm theo Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hưng



do UBND xã lập đã được Tổ thẩm định huyện (Phòng NN&PTNT) thẩm định tại Báo cáo số 90/BC-TTĐ ngày 18/04/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hưng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

- **Tên Đề án:** Đề án xây dựng Nông thôn mới xã Phước Hưng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- **Chủ quản Đề án:** Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng.

Điều hành thực hiện Đề án: Ban Quản lý XD Nông thôn mới xã Phước Hưng.

- **Địa điểm XD Đề án:** Toàn bộ địa giới hành chính xã Phước Hưng với diện tích tự nhiên 1.015,32 ha.

- NỘI DUNG CỤ THỂ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Mục tiêu chung:

- Đến năm 2015, xây dựng xã Phước Hưng đạt chuẩn nông thôn mới theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009.

- Phát triển kinh tế xã hội gắn liền với hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại – dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức quản lý sản xuất và xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

- Từ năm 2016 trở đi chỉ nâng cao chất lượng các tiêu chí.

2. Mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn:

2.1. Các tiêu chí đến năm 2012 đã đạt: sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng 12 tiêu chí bao gồm:

- Tiêu chí số 1: Quy hoạch;

- Tiêu chí số 4: Điện;

- Tiêu chí số 7: Chợ nông thôn;

- Tiêu chí số 8: Bru điện;

- Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư;

- Tiêu chí số 10: Thu nhập. (Theo QĐ số 342/QĐ-TTg);

- Tiêu chí số 11: Hộ nghèo;

- Tiêu chí 12: Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên. (Theo QĐ số 342/QĐ-TTg);

- Tiêu chí số 13: Hình thức tổ chức sản xuất;

- Tiêu chí số 14: Giáo dục;

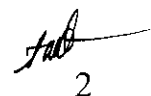
- Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức Chính trị - Xã hội;

- Tiêu chí số 19: An ninh - Trật tự xã hội.

2.2. Kế hoạch thực hiện trong năm 2013: đạt thêm 01 tiêu chí là:

- Tiêu chí số 16: Văn hóa;

2.3. Kế hoạch thực hiện trong năm 2014: đạt thêm 02 tiêu chí gồm:



- Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hoá;

- Tiêu chí số 15: Y tế;

2.4. Kế hoạch thực hiện đến năm 2015: đạt thêm 04 tiêu chí, gồm:

- Tiêu chí số 2: Giao thông;

- Tiêu chí số 3: Thuỷ lợi;

- Tiêu chí số 5: Trường học;

- Tiêu chí số 17: Môi trường.

2.5. Kế hoạch thực hiện sau năm 2015: Chỉ nâng cao chất lượng các tiêu chí.

II. NỘI DUNG NHIỆM VỤ: Chỉ tiêu chủ yếu xây dựng nông thôn mới:

1. Quy hoạch nông thôn mới: (tiêu chí số 1):

Đã hoàn thành Quy hoạch xây dựng nông thôn mới trong năm 2012, chỉ bổ sung hoàn thiện thêm các quy hoạch chi tiết ngành, lĩnh vực.

2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn:

2.1. Giao thông: (tiêu chí số 2):

a) Mục tiêu:

Phân đầu đến năm 2015, hoàn thành đầu tư nâng cấp bê tông hoá 100% đường trục xã, liên xã; 70% chiều dài đường trục thôn, xóm được bê tông hoá; 100% đường ngõ, xóm không lầy lội vào mùa mưa, trong đó có 70% chiều dài được cứng hoá; 70% chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện (theo quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) Nội dung thực hiện:

T	T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
					TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động cộng đồng
1		Nâng cấp 6,6 km đường trục xã, liên xã đạt chuẩn.	2015	15.290	6.116	1.529	1.529	3.058	3.058
2		Cứng hoá 2,15 km đường ngõ, xóm	2013-2015						
3		Cứng hoá 4,05 km đường trục chính nội đồng	2013-2015						

* Tổng kinh phí thực hiện đầu tư đến năm 2015 là: 15,290 tỷ đồng

2.2. Thuỷ lợi: (tiêu chí số 3)

a) Mục tiêu: Phân đầu đến năm 2015, hệ thống thuỷ lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh; 70% chiều dài kênh mương do xã quản lý được kiên cố hoá (theo quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) Nội dung thực hiện:

T	T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Nguồn vốn (triệu đồng)				
					TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động cộng đồng

			(triệu đồng)					đồng
1	Nâng cấp đập dâng: 2 cái	2015	10.990	4.396	1.099	1.099	2.198	2.198
2	Xây dựng mới cống: 4 cái							
3	Nâng cấp cống: 8 cái							
4	Kiên cố hoá kênh mương: 8,35 km	2013 và 2015						

*** Tổng kinh phí thực hiện đầu tư đến năm 2015 là: 10,990 tỷ đồng**

2.3 Điện: (tiêu chí số 4) Đã đạt tiêu chí về điện trong năm 2012, chỉ nâng cao chất lượng tiêu chí.

a) *Mục tiêu:* Phân đấu đến năm 2015, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; có 100% số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (theo quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) *Nội dung thực hiện:*

T T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
				TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động cộng đồng
1	Xây dựng mới trạm biến áp 02 cái	2014	600	240	60	60	120	120

*** Tổng kinh phí thực hiện đầu tư là: 0,6 tỷ đồng.**

2.4. Trường học: (tiêu chí số 5)

a) *Mục tiêu:* Duy trì số trường đạt chuẩn quốc gia; phân đấu đến năm 2015, có 100% số trường học các cấp có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia (theo quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) *Nội dung thực hiện:*

T T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
				TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động CD
1	Xây dựng mới 4 phòng học lớp mẫu giáo 3 thôn An Cửu, Háo Lễ, Quảng Nghiệp	2014	2.910	1.164	291	291	582	582
2	Xây dựng 4 phòng chức năng lớp mẫu giáo 3 thôn An Cửu, Háo Lễ, Quảng Nghiệp	2014						
3	Cải tạo 7 cơ sở sân chơi, bãi tập cho các lớp mẫu giáo	2013 - 2015						
4	Xây dựng cụm mẫu giáo Quảng Nghiệp, sân chơi, nhà vệ sinh cụm mẫu giáo Háo Lễ - Lương Lộ	2013- 2015						

*** Tổng kinh phí ước tính đầu tư cho bậc tiểu học khoảng 2,91 tỷ đồng.**

2.5. Cơ sở vật chất văn hoá: (tiêu chí số 6)

a) Mục tiêu:

Phấn đấu đến năm 2015, nhà văn hoá và khu thể thao của xã đạt chuẩn; 100% số thôn có nhà văn hoá và khu thể thao của thôn đạt theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) Nội dung thực hiện:

T T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
				TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động cộng đồng
1	Xây dựng nhà văn hóa đa năng xã 1000 m ² , 150 chỗ ngồi	2013	5.300	2.120	530	530	1.060	1.060
2	Xây dựng phòng tập thể thao và sân bóng đá 680m ²	2014						
3	Xây dựng khu thể thao 4 thôn 4 thôn x 200trđ/thôn	2013-2014						
4	Dời bia tường niệm	2013						

*** Phấn đấu đến năm 2014 sẽ hoàn thành đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hoá. Tổng kinh phí ước tính xây dựng cơ sở vật chất văn hóa là 5,3 tỷ đồng.**

2.6. Chợ nông thôn: (tiêu chí số 7) Đã đạt tiêu chí về chợ nông thôn trong năm 2012, chỉ nâng cao chất lượng tiêu chí.

a) Mục tiêu: Tiếp tục củng cố và nâng cấp chợ đạt chuẩn (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) Nội dung thực hiện:

T T	Nội dung	Năm thực hiện đầu tư	Tổng vốn đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)				
				TW	Tỉnh	Huyện	xã	Huy động cộng đồng
1	Sửa chữa chợ Háo Lễ	2013	500	200	50	50	100	100

*** Kinh phí xây dựng chợ là: 0,5 tỷ đồng.**

2.7. Bưu điện: (tiêu chí số 8) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

* Mục tiêu: Tiếp tục củng cố và nâng cấp bưu điện hàng năm đạt tiêu chí (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

2.8. Nhà ở dân cư: (tiêu chí số 9) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) Mục tiêu: Đến cuối năm 2015 nhà ở dân cư đạt chuẩn của bộ xây dựng (đạt 100%).

b) Nội dung thực hiện:

- Vận động người dân tự nâng cấp, chỉnh trang nhà ở đạt chuẩn theo bộ xây dựng

- Tuyên truyền người dân chỉnh trang công ngõ, tường rào, trồng hoa trước công nhà.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất:

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập: (tiêu chí số 10): Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) Mục tiêu: Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 là 23 triệu đồng/người/năm.

*** Các giải pháp thực hiện**

Một số chỉ tiêu chủ yếu trong phát triển kinh tế đến năm 2015 (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phước Hưng lần thứ XII, nhiệm kỳ 2011 - 2016):

- Tăng trưởng kinh tế nông thôn bình quân hàng năm là 12%/năm; trong đó:

+ Nông nghiệp: 6%/năm.

+ Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ tăng: 13%.

- Cơ cấu kinh tế nông thôn:

+ Nông nghiệp: 43%.

+ Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ: 57%.

- Sản lượng cây có hạt bình quân hàng năm đạt trên 9.500 tấn.

- Thu ngân sách hàng năm tăng 15%/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm là 1%.

b) Nội dung thực hiện:

*** Về trồng trọt: Bố trí địa điểm sản xuất:**

- Khu vực trồng rau sạch: Được bố trí phía Nam của xã, giáp đường tỉnh 636B thuộc thôn Quảng Nghiệp với diện tích khoảng 10ha. Ước kinh phí thực hiện 1.000 triệu đồng.

- Quy hoạch khu vực sản xuất lúa giống: Bố trí tại thôn Lương Lộc, Tân Hội (khu vực trước HTX NN dọc theo đường liên xã) với diện tích khoảng 10ha. Ước kinh phí thực hiện 2.000 triệu đồng.

* Ước tính nhu cầu vốn đầu tư: 3.000 triệu đồng

Bảng 2: Kế hoạch đầu tư cho phát triển sản xuất

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng vốn	Kế hoạch phát triển sản xuất		
			2013	2014	2015
	Tổng cộng	29.570	3.150	14.000	12.420
1	Nông nghiệp	18.270	150	8.700	9.420

1.1	Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn	1.000		500	500
1.2	Quy hoạch vùng chăn nuôi	15.270	150	7.200	7.920
1.3	Quy hoạch sản xuất giống	2.000		1.000	1.000
2	Tiểu thủ công nghiệp	9.000	2.500	3.800	2.700
3	Dịch vụ	2.300	500	1.500	300

*** Về chăn nuôi: Bố trí địa điểm sản xuất:**

- Hỗ trợ con giống mô hình nuôi heo nái sinh sản, ước kinh phí thực hiện 150 triệu đồng.

- Quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung tại phía Nam kênh TAS3 thuộc xóm 3, thôn Quảng Nghiệp với diện tích khoảng 5,0 ha. Ước kinh phí thực hiện 7.200 triệu đồng.

- Quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung ruộng Bạ Ngang xóm 14, thôn Háo Lễ với diện tích khoảng 5,5 ha. Ước kinh phí thực hiện 7.920 triệu đồng.

* Ước tính nhu cầu vốn đầu tư: 15.270 triệu đồng

Bảng 01. Định hướng ngành chăn nuôi của xã đến năm 2020

TT	Vật nuôi	ĐVT	Hiện trạng 2010	Quy hoạch					
				2011	2012	2013	2014	2015	2020
I	Quy mô đàn (con)								
1	Đàn trâu, bò	Con	1.350	1.280	1.300	1.350	1.380	1.400	1.500
2	Đàn heo	Con	10.000	10.500	11.000	12.000	12.500	13.000	15.000
3	Đàn gia cầm	Con	40.000	40.500	43.000	45.000	47.000	50.000	60.000
II	Sản phẩm chăn nuôi								
1	Sản lượng trâu, bò (300kg/con)	tấn	405	384	390	405	414	420	450
2	Sản lượng heo (100kg/con)	tấn	1000	1050	1100	1200	1250	1300	1500
3	Sản lượng gia cầm (1,5 kg/con)	tấn	60	61	65	68	71	75	90
4	Sản phẩm chăn nuôi khác (trứng)	quả	10.000	10.125	10.750	11.250	11.750	12.500	15.000

*** Về Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp:**

- Phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế phát triển những ngành nghề gây ô nhiễm môi trường. Đa dạng hoá các loại ngành nghề, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị, có sức cạnh tranh cao.

Handwritten signature
7

- Chú trọng triển khai các giải pháp để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ trên địa bàn xã, phấn đấu giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 13-15%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 15-17%/năm; tiếp tục đôn đốc các doanh nghiệp vừa và nhỏ mở rộng quy mô sản xuất để giải quyết các việc làm cho địa phương; khuyến khích khôi phục, mở rộng các ngành nghề truyền thống nhằm tăng thêm thu nhập cho kinh tế hộ gia đình; xây dựng và khai thác có hiệu quả điểm tiểu thủ công nghiệp của xã.

* Ước tính nhu cầu vốn đầu tư: 9.000 triệu đồng

*** Về Thương mại, dịch vụ:**

- Có kế hoạch đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng chợ trung tâm giai đoạn II, hình thành các kiốt, sắp xếp lại các gian hàng, thành lập Ban quản lý chợ hoạt động có hiệu quả, tăng nguồn thu cho ngân sách từ đó tạo động lực để thương mại phát triển.

- Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ ở nông thôn, nhằm tạo ra giá trị sản xuất, góp phần tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động ở địa phương. Phấn đấu giai đoạn 2011-2015 tăng bình quân 13-15%/năm, giai đoạn 2016-2020 tăng bình quân 15-17%/năm.

* Ước tính nhu cầu vốn đầu tư: 2.300 triệu đồng

* **Tổng Kinh phí thực hiện khái toán: 29,570 tỉ đồng.**

3.2. Giảm nghèo và an sinh xã hội: (tiêu chí số 11) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

* **Mục tiêu:** Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 3% (theo chuẩn nghèo được quy định tại Chỉ thị số 1752/CT-TTg ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

3.3. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên: (tiêu chí số 12) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

Mục tiêu: Đến năm 2015, Tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm thường xuyên trên 100%.

3.4. Phát triển hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả trên địa bàn ở nông thôn: (tiêu chí số 13): Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

Mục tiêu: 100% tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

4. Văn hóa, xã hội và môi trường:

4.1. Phát triển giáo dục - đào tạo ở nông thôn: (tiêu chí số 14) Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 sẽ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

* **Mục tiêu:** Tiếp tục duy trì chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục Trung học cơ sở; thực hiện phổ cập Trung học phổ thông duy trì trên 95% học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề); phấn đấu đạt tỷ lệ 35% lao động trong độ tuổi đã được tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề

ngắn hạn hoặc đào tạo dài hạn (chính quy và không chính quy - quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới). Xây dựng Trường mẫu giáo xã đạt chuẩn quốc gia.

4.2. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng: (tiêu chí số 15)

a) *Mục tiêu:* Phần đầu đến năm 2015, vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt trên 80%; Trạm y tế xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, giai đoạn 2011 - 2020).

b) *Nội dung thực hiện:*

Cải tạo, nâng cấp các phòng chức năng trạm y tế nhằm đảm bảo việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân cùng công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe trong cộng đồng dân cư đạt kết quả tốt.

*** Phần đầu đến năm 2014 sẽ hoàn thành tiêu chí số 15 về phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cho cư dân nông thôn. Kinh phí thực hiện khái toán: 0,3 tỉ đồng.**

4.3. Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh ở nông thôn: (tiêu chí số 16).

Mục tiêu: Phần đầu có từ 70% số thôn trở lên (giữ vững 4/7 thôn đã được công nhận, phần đầu có ít nhất 02 thôn được công nhận mới) đạt tiêu chuẩn thôn văn hoá theo quy định của Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

*** Phần đầu đến năm 2015 sẽ hoàn thành tiêu chí số 16 về văn hóa.**

4.4. Môi trường: (tiêu chí số 17)

a) *Mục tiêu:* Duy trì tỷ lệ số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia đạt trên 88%. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch, chất thải và nước thải được thu gom và xử lý theo quy định (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) *Nội dung thực hiện:*

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch, gồm: xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước trong thôn, xóm (gắn với xây dựng giao thông); xây dựng các điểm thu gom, xử lý rác thải ở các thôn; chỉnh trang, cải tạo nghĩa trang; cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư, phát triển cây xanh ở các công trình công cộng.v.v...

- Vận động nhân dân thực hiện xây dựng khu chăn nuôi tập trung cách xa khu dân cư theo quy định, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải trong chăn nuôi; phần đầu có trên 85% số hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí tự hoại, bể nước).

- Trước mắt vận động mỗi thôn thành lập tổ thu gom rác thải, tiến tới thành lập 01 đơn vị làm dịch vụ công ích thu gom rác thải, xử lý môi trường trên địa bàn xã.

Dự kiến tổng nhu cầu kinh phí đầu tư vệ sinh môi trường **490 triệu đồng**; trong đó:

Quy hoạch và xây dựng các điểm xử lý rác thải ở 7 thôn: 490 triệu đồng.

***Phần đầu đến năm 2015 sẽ hoàn thành về tiêu chí cấp nước sạch và môi trường nông thôn. Kinh phí thực hiện khái toán: 0,49 tỉ đồng.**

4.5. Nâng cao chất lượng tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn: (tiêu chí số 18). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 chỉ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) *Mục tiêu:* Cán bộ xã phải đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ; có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở theo quy định; Đảng bộ, chính quyền xã hàng năm đạt tiêu chuẩn “*Trong sạch, vững mạnh*”; các tổ chức đoàn thể chính trị của xã hàng năm đạt danh hiệu tiên tiến trở lên (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) *Nội dung thực hiện:*

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, năng lực điều hành của cán bộ quản lý Nhà nước về phát triển nông thôn mới. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ và khuyến khích sinh viên về công tác tại địa phương. Phát huy cao vai trò của Mặt trận tổ quốc và tổ chức Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn, Hội Cựu chiến binh đóng vai trò nòng cốt trong việc xây dựng nông thôn mới tại địa phương và vận động, tổ chức hội viên, đoàn viên tham gia.

4.6. Giữ vững an ninh trật tự xã hội nông thôn: (tiêu chí số 19). Đã hoàn thành tiêu chí trong năm 2012 chỉ tiếp tục nâng cao về chất lượng tiêu chí:

a) *Mục tiêu:* An ninh, trật tự xã hội luôn được giữ vững (quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới).

b) *Nội dung thực hiện:*

- Tuyên truyền vận động nhân dân tham gia có hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc. Tăng cường củng cố các tổ ANND đi vào hoạt động có nề nếp. Xây dựng các mô hình điểm về “*Hộ tộc không có tội phạm*”;

- Vận động nhân dân chấp hành nghiêm Luật NVQS, Luật DQTV không có trường hợp vi phạm.

III. VỐN VÀ NGUỒN VỐN:

Căn cứ vào nội dung thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện các tiêu chí NTM để xác định được nhu cầu vốn, như sau:

1. Dự kiến vốn:

Biểu 1: Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2013 – 2015

DVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng vốn	Phân kỳ vốn theo từng năm thực hiện		
			2013	2014	2015
	Tổng cộng	84.440	12.500	29.060	42.880
I	Vốn đầu tư XD kết cấu hạ tầng	53.890	9.100	14.700	30.090

Handwritten signature

1	Quy hoạch				
2	Giao thông	15.290	2.040	1.950	11.300
3	Thuỷ lợi	10.990	2.050	3.350	5.590
4	Điện	600		600	
5	Trường học	2.910	810	1.900	200
6	Trạm y tế	300	300		
7	Văn hoá - TDTT	5.300	3.400	1.900	
8	Chợ	500	500		
9	Nước thải sinh hoạt	5.000			5.000
10	Cấp nước	3.000			3.000
11	Thoát nước mưa	10.000		5.000	5.000
II	Vốn đầu tư phát triển sản xuất	29.570	3.150	14.000	12.420
1	Nông nghiệp	18.270	150	8.700	9.420
1.1	Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn	1.000		500	500
1.2	Quy hoạch vùng chăn nuôi	15.270	150	7.200	7.920
1.3	Quy hoạch sản xuất giống	2.000		1.000	1.000
2	Tiểu thủ công nghiệp	9.000	2.500	3.800	2.700
3	Dịch vụ	2.300	500	1.500	300
III	Các hoạt động khác	980	250	360	370

2. Nguồn vốn:

Biểu 2: Dự kiến cơ chế hỗ trợ theo Quyết định 695/QĐ-TTg và Quyết định số 441/QĐ-UBND:

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Dự kiến tổng vốn đầu tư	Dự kiến nguồn vốn đầu tư					
			Vốn ngân sách Trung ương		Vốn địa phương			
			Từ các CTMTQG	Trực tiếp cho CT	Tỉnh	Huyện	Xã	HTX, dân góp
	Tổng cộng	84.440	19.421	14.355	8.444	8.444	16.888	25.332
I	Vốn đầu tư XDCB	38.500	8.855	6.545	3.850	3.850	7.700	11.550
1	Giao thông	15.290	3.517	2.599	1.529	1.529	3.058	4.587

2	Thuỷ lợi	10.990	2.528	1.868	1.099	1.099	2.198	3.297
3	Điện	600	138	102	60	60	120	180
4	Trường học	2.910	669	495	291	291	582	873
5	Trạm y tế	300	69	51	30	30	60	90
6	Văn hoá - TDTT	5.300	1.219	901	530	530	1.060	1.590
7	Chợ	212	49	36	30	30	52	15
8	Nước thải sinh hoạt	5.000	1.150	850	500	500	1.000	1.500
9	Cấp nước	3.000	690	510	300	300	600	900
10	Thoát nước mưa	10.000	2.300	1.700	1.000	1.000	2.000	3.000
II	Vốn đầu tư phát triển sản xuất	29.570	6.801	5.027	2.957	2.957	5.914	8.871
1	Nông nghiệp	18.270	4.202	3.106	1.827	1.827	3.654	5.481
2	Tiểu thủ công nghiệp	9.000	2.070	1.530	900	900	1.800	2.700
3	Dịch vụ	2.300	529	391	230	230	460	690
III	Vốn cho hoạt động khác	980	225	167	98	98	196	294

Biểu 3: Các công trình ưu tiên đầu tư giai đoạn 2013-2015

ĐVT: triệu đồng

TT	Loại công trình	Tên công trình thực hiện	Tổng vốn	Năm thực hiện		
				2013	2014	2015
		Tổng cộng	84.440	12.500	29.060	42.880
I		Vốn đầu tư XD kết cấu hạ tầng	53.890	9.100	14.700	30.090
2	Giao thông	Tổng cộng	15.290	2.040	1.950	11.300
		- Nâng cấp mở rộng đường trục xã, liên xã đạt chuẩn 6,6km x 1.500trđ/km	9.900			9.900
		Cứng hóa đường ngõ xóm 7,153km x 1.000 trđ/km	2.150	400	1.150	600
		Cứng hóa trục chính nội đồng	3.240	1.640	800	800

		4,89km x 800trđ/km				
3	Thủy lợi	Tổng cộng	10.990	2.050	3.350	5.590
		Nâng cấp đập dâng 2 cái x 800trđ/cái	1.600			1.600
		Xây dựng mới cống 4 cái x 200trđ/cái	800			800
		Nâng cấp cống 8 cái x 30trđ/cái	240			240
		Kiên cố hóa kênh mương	8.350	2.050	3.350	2.950
		9,85km x 1000trđ/km				
4	Điện	Xây dựng mới trạm biến áp	600		600	
		02 cái x 300trđ/cái				
5	Trường học	Tổng cộng	2.910	810	1.900	200
		Xây dựng phòng học 4p x 150trđ/p	600		600	
		Xây dựng phòng chức năng 4p x 150trđ/p	600		600	
		Cải tạo sân chơi, bãi tập	700	300	200	200
		7 cơ sở x 100trđ/cơ sở				
		Xây dựng cụm mẫu giáo Quảng Nghiệp, sân chơi, nhà vệ sinh cụm mẫu giáo Háo Lễ - Lương Lộc.	1.010	510	500	
6	Trạm y tế	Nâng cấp trạm y tế	300	300		
7	VH-TDTT	Tổng cộng	5.300	3.400	1.900	
		Xây dựng nhà văn hóa đa năng xã	3.000	3.000		
		Xây dựng phòng tập thể thao và sân bóng đá	1.000		1.000	
		Nhà văn hóa thôn Nho Lâm	0			
		01 x 200trđ/thôn				
		Xây dựng khu thể thao 6 thôn	800	400	400	
		6 thôn x 200trđ/thôn				
		Dời bia tưởng niệm	500		500	
8	Chợ	Sửa chữa chợ Háo Lễ	500	500		
9	Nước thải sinh	Nước thải sinh hoạt	5.000			5.000

	hoạt					
10	Cấp nước	Cấp nước	3.000			3.000
11	Thoát nước mưa	Thoát nước mưa	10.000		5.000	5.000
II		Vốn đầu tư phát triển sản xuất	29.570	3.150	14.000	12.420
1	Nông nghiệp	Tổng cộng	18.270	150	8.700	9.420
		Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn	1.000		500	500
		Quy hoạch vùng chăn nuôi	15.270	150		
				7.200		7.200
				7.920		7.920
Quy hoạch sản xuất giống	2.000		1.000	1.000		
2	Tiểu thủ công nghiệp	Tiểu thủ công nghiệp	9.000	2.500	3.800	2.700
3	Dịch vụ	Dịch vụ	2.300	500	1.500	300
III	Các hoạt động khác		980	250	360	370

IV. GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

1. Đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Giao thông: Sẽ tiến hành nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bê tông, để đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT; làm mới tuyến đường và bê tông hóa các tuyến đường ra vùng sản xuất, chăn nuôi tập trung.

- Thủy lợi: Nạo vét các kênh thủy lợi cấp II, III, nội đồng bị bồi lắng nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp.

- Điện: Đầu tư mới các tuyến đường dây phục vụ sản xuất, chăn nuôi tập trung.

- Về trạm Y tế: Đầu tư mua sắm các trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

2. Kinh tế và tổ chức sản xuất : Đầu tư phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề để tăng thu nhập; tiếp tục phát triển các loại hình tổ chức sản xuất có hiệu quả trên địa bàn xã.

3. Văn hóa - Xã hội và Môi trường : Đầu tư đào tạo nghề cho lao động trong nông thôn; vận động người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế tự nguyện.

4. Hệ thống chính trị : Tiếp tục củng cố hệ thống chính trị xã hội vững mạnh, đảm bảo an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn.

* Về vốn và nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020: Sau khi thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới của xã xong sẽ tiến hành rà soát lập kế hoạch triển khai thực hiện Đề án khi đó sẽ cụ thể vốn và nguồn vốn đầu tư.

Biểu 4: Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 -2020

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục	Tổng vốn	Thực hiện 2016 -2020
	Tổng cộng	66.475	66.475
I	Vốn đầu tư XD kết cấu hạ tầng	28.625	28.625
1	Giao thông	20.475	20.475
2	Thủy lợi	8.150	8.150
II	Vốn đầu tư phát triển sản xuất	37.850	37.850
1	Nông nghiệp	29.650	29.650
1.1	Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn	7.000	7.000
1.2	Quy hoạch vùng chăn nuôi	17.730	17.730
1.3	Quy hoạch sản xuất giống	4.920	4.920
2	Tiểu thủ công nghiệp	6.000	6.000
3	Dịch vụ	2.200	2.200

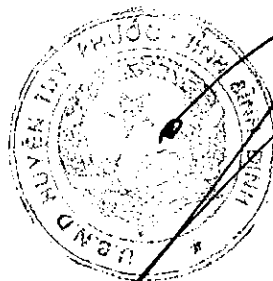
Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố đề án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt tại quyết định này để các tổ chức, đơn vị và nhân dân biết để thực hiện theo đúng đề án.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư theo quy hoạch đảm bảo đúng pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế.
- Tổ chức xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch hàng năm về xây dựng nông thôn mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND xã Phước Hưng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- VP Điều phối tỉnh;
- Sở xây dựng tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- LĐVP;
- Lưu VT.K2, K3. T.15b



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Huệ